| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TP. BUÔN MA THUỘT**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK**<br>Bản án số: 161/2021/DS- ST<br>Ngày: 15/10/2021<br>*"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Bạn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà H Michan Niê- Kiểm sát viên;

Ngày 15 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2021/TLST- DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2021/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2021/QĐST- DS ngày 30 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Anh S – Sinh năm 1989 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị T – Sinh năm 1960 (Có mặt);

Địa chỉ: Đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng N – sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Đường K, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa- người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Phạm Thị T trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên ông Lê Anh S có cho ông Nguyễn Trọng N vay số tiền 1.400.000.000đ, ông N đã trả được số tiền 1.250.000.000đ còn nợ lại số tiền 150.000.000đ. Ngày 15/10/2019 ông Nguyễn Trọng N có viết giấy xác nhận còn nợ lại ông S số tiền 150.000.000đ, hẹn đến ngày 31/12/2019 sẽ trả đủ số tiền trên cho ông S. Tuy nhiên, đến hẹn ông N không trả tiền và hẹn đến ngày 30/3/2020 sẽ trả đủ số tiền trên cho ông S. Nhưng sau đó ông N cứ khất nợ và cho đến nay vẫn chưa trả được tiền nợ gốc và lãi cho ông S. Quá trình vay mượn, ông S và ông N có thỏa thuận lãi suất cho vay là 1%/tháng, tuy nhiên ông N vẫn chưa thanh toán được khoản tiền lãi nào cho ông S.

Đến nay ông Lê Anh S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trọng N phải trả cho ông số tiền 150.000.000đ nợ gốc và lãi suất kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01/4/2020 đến nay theo quy định của pháp luật. Ngoài ra ông S không có yêu cầu gì khác.

Khi cho vay, ông S cho cá nhân ông N vay, do đó nay ông S chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Trọng N có trách nhiệm trả số tiền trên cho ông S, không yêu cầu ai khác có trách nhiệm trả nợ cùng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Nguyễn Trọng N nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, do đó Tòa án không tiến hành ghi lời khai cũng như không hòa giải được.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:*

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ giấy xác nhận và vay tiền đề ngày 15/10/2019; căn cứ kết luận giám định số 132/PC09 ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Trọng N trong các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Trọng N trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Có căn cứ xác định ông Nguyễn Trọng N có vay của ông Lê Anh S số tiền 1.400.000.000đ, đã trả được số tiền 1.250.000.000đ, số tiền nợ gốc còn lại là 150.000.000đ và lãi suất phát sinh ông N cam kết trả dứt điểm vào ngày 31/3/2020. Tuy nhiên đến hạn thanh toán, ông N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông S nên ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trọng N phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 150.000.000đ và lãi suất

phát sinh từ ngày ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 01/4/2020 đến nay theo mức lãi suất do pháp luật quy định là có cơ sở chấp nhận. Do đó đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Anh S, buộc bị đơn ông Nguyễn Trọng N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Lê Anh S số tiền nợ gốc là 150.000.000đ và lãi suất phát sinh kể từ ngày 01/4/2020 đến nay theo quy định của pháp luật.

Về chi phí thông báo, nhắn tin: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí thông báo, nhắn tin;

Về chi phí giám định: Bị đơn phải chịu chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp:**

Nguyên đơn ông Lê Anh S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Trọng N, có địa chỉ tại đường K, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] **Về trình tự, thủ tục tố tụng:** Xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[3] **Về nội dung vụ án:**

Căn cứ vào nội dung giấy xác nhận và vay tiền đề ngày 15/10/2019, ông Nguyễn Trọng N có vay của ông Lê Anh S số tiền 1.400.000.000đ, đã trả được số tiền 1.250.000.000đ, số tiền nợ gốc còn lại là 150.000.000đ ông N cam kết trả dứt điểm vào ngày 31/12/2019. Sau đó, ông N tiếp tục hẹn đến ngày 31/3/2020 sẽ trả toàn bộ gốc và lãi cho ông S. Tuy nhiên đến hẹn trả nợ, ông N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông S nên ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trọng N phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 150.000.000đ và lãi suất phát sinh từ ngày ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 01/4/2020 đến nay theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã ra thông báo tìm kiếm ông Nguyễn Trọng N trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật; đồng thời ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Trọng N trong giấy xác nhận và vay tiền đề ngày 15/10/2019 so với

mẫu chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Trọng N trong hợp đồng cho vay tiền giữa bên cho vay bà Vũ Thị Kim Lan và bên vay ông Nguyễn Trọng N, được công chứng 22/10/2018 tại Văn Phòng công chứng Đ, tỉnh Đắk Lắk, số công chứng XXX, quyển số XX/TP/CC- SCC/HDGD và Hợp đồng cho vay tiền giữa bên cho vay bà Vũ Thị Kim L và bên vay ông Nguyễn Trọng N, được công chứng 27/9/2018 tại Văn Phòng công chứng Đ, tỉnh Đắk Lắk, số công chứng XXX, quyển số XX/TP/CC- SCC/HDGD. Tại kết luận giám định số 132/PC09 ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Trọng N trong các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Trọng N trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có thông báo cho bị đơn nhưng bị đơn ông Nguyễn Trọng N vẫn không có ý kiến phản bác về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Anh S.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Có căn cứ xác định ông Nguyễn Trọng N có vay của ông Lê Anh S số tiền 1.400.000.000đ, đã trả được số tiền 1.250.000.000đ, số tiền nợ gốc còn lại là 150.000.000đ và lãi suất phát sinh ông N cam kết trả dứt điểm vào ngày 31/3/2020. Tuy nhiên đến hạn thanh toán, ông N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông S nên ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trọng N phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 150.000.000đ và lãi suất phát sinh từ ngày ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 01/4/2020 đến nay theo mức lãi suất do pháp luật quy định là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận. Do đó cần buộc bị đơn ông Nguyễn Trọng N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Lê Anh S số tiền nợ gốc là 150.000.000đ và lãi suất phát sinh, cụ thể: 150.000.000đ x 563 ngày x 0,83%/tháng/30 ngày (10%/năm) = 23.364.500đ; tổng cộng gốc và lãi là 173.364.500đ.

[4] **Về án phí:**

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Trọng N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: 173.364.500đ x 5% = 8.668.225đ, làm tròn = 8.668.000đ;

Nguyên đơn ông Lê Anh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp;

[5] **Về chi phí thông báo nhắn tin, chi phí giám định:**

Ông Lê Anh S phải chịu 2.425.000đ chi phí thông báo nhắn tin trên phương tiện thông tin đại chúng, ông Lê Anh S đã nộp và chi phí hết theo phiếu

thu số 230 ngày 12/7/2021, quyển số 19; phiếu chi số 214, ngày 12/7/2021, quyển số 14 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Ông Nguyễn Trọng N phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 4.860.000đ.

Nguyên đơn ông Lê Anh S được nhận lại 4.860.000đ (Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký, chữ viết sau khi Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thu được của ông Nguyễn Trọng N;

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 161; Điều 162; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 384; Điều 385 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Anh S;

Buộc bị đơn ông Nguyễn Trọng N phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Anh S số tiền nợ gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và 23.364.500đ (Hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm đồng) nợ lãi; tổng cộng là 173.364.500đ (Một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

**- Về án phí:**

Bị đơn ông Nguyễn Trọng N phải chịu 8.668.000đ (Tám triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Lê Anh S được nhận lại 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Lê Anh S đã nộp (Bà Lê Kiều N nộp thay), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0013610 ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

**- Về chi phí thông báo nhắn tin, chi phí giám định:**

Ông Lê Anh S phải chịu 2.425.000đ (Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) tiền chi phí thông báo, nhắn tin trên phương tiện thông tin đại chúng; ông Lê Anh S đã nộp và chi phí hết theo phiếu thu số 230 ngày 12/7/2021, quyển số 19; phiếu chi số 214, ngày 12/7/2021, quyển số 14 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Ông Nguyễn Trọng N phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 4.860.000đ (Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng);

Nguyên đơn ông Lê Anh S được nhận lại 4.860.000đ (Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký, chữ viết sau khi Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thu được của ông Nguyễn Trọng N;

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Thi hành án dân sự TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đỗ Thị Diễm Hương**